

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 10 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Triệu Hoài Bắc	1	11	7.0	Bảy	
2	Lê Thị Bảy	2	21	7.0	Bảy	
3	Ngô Hải Biên	3	51	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Bưởi	4	29	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Văn Cương	5	43	7.0	Bảy	
6	Bùi Thị Dung	6	38	6.5	Sáu rưỡi	
7	Trần Thị Dung	7	02	6.5	Sáu rưỡi	
8	Đào Việt Dũng	8	27	7.5	Bảy rưỡi	
9	Dương Tiến Dũng	9	20	6.5	Sáu rưỡi	
10	Lê Tiến Dũng	10	55	6.0	Sáu	
11	Lê Đắc Đạt	11	53	8.0	Tám	
12	Nguyễn Thị Diệp (A-1985)	12	58	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Diệp (B-1978)	13	45	7.0	Bảy	
14	Hà Văn Đồng	14	46	6.5	Sáu rưỡi	
15	Lê Thị Giang	15	36	6.5	Sáu rưỡi	
16	Nguyễn Thị Hà	16	06	6.5	Sáu rưỡi	
17	Dương Việt Hà	17	15	8.0	Tám	
18	Hoàng Thúy Hồng Hà	18	26	7.5	Bảy rưỡi	
19	Lê Xuân Hằng	19	66	7.0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Hằng	20	68	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21	67	7.0	Bảy	
22	Dương Thị Hoan	22	41	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Đặng Thị Hoàn	23	34	7.0	Bảy	
24	Bùi Thị Hồng	24	37	8.0	Tám	
25	Hà Thị Hồng	25	52	8.0	Tám	
26	Nguyễn Thị Thu Hồng	26	61	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Quốc Hưng	27	57	6.5	Sáu rưỡi	
28	Dương Thị Hương	28	10	7.0	Bảy	
29	Nguyễn Thị Thu Hương A-1985	29	07	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Thu Hương B-1984	30	44	7.0	Bảy	
31	Lê Thị Huyền	31	48	8.0	Tám	
32	Trần Thị Huyền	32	65	8.0	Tám	
33	Nguyễn Thị Lâm	33	13	8.0	Tám	
34	Nguyễn Thị Liên	34	01	8.0	Tám	
35	Phạm Quang Lưu	35	08	7.0	Bảy	
36	Nguyễn Thị Mai	36	25	8.0	Tám	
37	Đồng Thị Mây	37	71	7.0	Bảy	
38	Nguyễn Thị Na	38	64	6.5	Sáu rưỡi	
39	Dương Văn Nam	39	19	6.5	Sáu rưỡi	
40	Đặng Thị Phương Nga	40	22	6.5	Sáu rưỡi	
41	Nguyễn Thị Bích Nga	41	33	7.5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Thanh Ngà	42	56	6.5	Sáu rưỡi	
43	Đinh Thủy Nguyên	43	28	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Chí Nhân	44	32	8.0	Tám	
45	Dương Thị Trang Nhung	45	24	8.0	Tám	
46	Nguyễn Thị Hồng Nhung	46	17	6.5	Sáu rưỡi	
47	Nguyễn Hoàng Phương	47	05	6.5	Sáu rưỡi	
48	Trần Văn Quân	48	72	7.0	Bảy	
49	Luân Thị Quế	49	59	7.0	Bảy	
50	Nguyễn Thị Quyên	50	23	8.0	Tám	
51	Nguyễn Thị Quỳnh	51	42	7.0	Bảy	
52	Lê Minh Sơn	52	69	6.0	Sáu	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
53	Lê Văn Thanh	53	09	7.0	Bảy	
54	Trần Phương Thanh	54	14	7.0	Bảy	
55	Dương Văn Thao	55	54	7.0	Bảy	
56	Nguyễn Thị Thắm	56	12	7.0	Bảy	
57	Hà Đức Thịnh	57	63	6.5	Sáu rưỡi	
58	Lê Xuân Thọ	58	39	6.5	Sáu rưỡi	
59	Nguyễn Thị Hạnh Thu	59	49	6.5	Sáu rưỡi	
60	Trần Văn Thu	60	16	6.5	Sáu rưỡi	
61	Lưu Thị Thư	61	47	7.0	Bảy	
62	Lê Thái Thực	62	31	8.0	Tám	
63	Trần Đình Thức	63	73	7.0	Bảy	
64	Đỗ Thị Thúy	64	60	7.0	Bảy	
65	Hà Thị Thu Trang	65	50	8.0	Tám	
66	Hoàng Minh Tuấn	66	70	6.0	Sáu	
67	Nguyễn Thị Anh Tuyết	67	18	7.0	Bảy	
68	Dương Thị Tứ	68	04	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị Vân	69	40	6.5	Sáu rưỡi	
70	Bùi Văn Vinh	70	62	7.0	Bảy	
71	Lý Thanh Xuân	71	30	8.0	Tám	
72	Tạ Hồng Xuân	72	35	7.5	Bảy rưỡi	
73	Lưu Như Ý	73	03	7.0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng mây

**KHOA XĐB
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên